

Số: 94/2026/QĐST - HNGĐ

Phú Thọ, ngày 24 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2026/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1994

Nơi ĐKTT: khu C, xã L, tỉnh Phú Thọ

Số CCCD: 017194008069 cấp ngày 24/6/2023

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990

Nơi ĐKTT: khu C, xã L, tỉnh Phú Thọ

Số CCCD: 017090001062 cấp ngày 13/4/2021

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thương, sinh năm 1994 và anh Nguyễn Văn Hiệp, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến M, sinh ngày 05/9/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp

dưỡng là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp: Không có, nên không đề nghị Tòa xem xét đến.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004565 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, Chị Bùi Thị T đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17 – Phú Thọ
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã L, tỉnh Phú Thọ
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương